TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:05/2019/HS-ST
Ngày 28 - 01- 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Bùi Thị Tố Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đàm Chí Thân

Ông Đoàn Văn Chương

- Thư ký phiên tòa:Bà Ngô Thị Mây- Thư ký Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 28 tháng01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khaivụ án hình sự sơ thẩmthụ lý số:67/2018/TLST-HS ngày 03 t háng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:73/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 01/2019/HSST-QĐngày 02 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh T, sinh ngày 18- 6 -1984 tại thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Khu Yên Lập Tây, phường MT, thị xã Q, tỉnhQuảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Công T1 và bà Nguyễn Thị Q1; có 02 con;

Tiền án: không;

Tiền sự: Ngày 19/6/2018 bị Công an thị xã Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *"Cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác"* với hình thức phạt tiền 3.500.000 đồng (chưa nộp tiền phạt);

Nhân thân: Ngày 13/01/2010, bị Toà án nhân dân thành phố Hạ Long xử phạt 07 năm tù về tội*"Cố ý gây thương tích"* theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/6/2009, đến ngày 30/8/2013 chấp hành xong hình phạt tù (đặc xá tha tù trước thời hạn);

Bị cáo bị tạm giữ ngày 18/7/2018,bị tạm giam ngày 21/7/2018, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. *(Có mặt)*

- *Người bị hại:* Anh Trần Minh T2, sinh năm 1995; Địa chỉ: Khu Yên Lập Tây, phường MT, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. *(Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt)*

- ***Người tham gia tố tụng khác*:**

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị Q2, sinh năm: 1963; *(Có mặt)*
2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1995*(Vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt)*
3. Chị Lê Thị Khánh H, sinh năm: 1997*;(Vắng mặt)*
4. Anh Nguyễn Công T2, sinh năm: 1990*(Vắng mặt)*
5. Ông Trần Đức T3, sinh năm: 1958 *(Vắngmặt)*

Địa chỉ: Khu Yên Lập Tây, phường MT, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

6. Anh Trần Thế B, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Khu Yên Lập Đông, phường MT, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. *(Vắng mặt)*
7. Anh Trịnh Mạnh T3, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Tổ 1, khu Nam Sơn, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.*(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 18/7/2018, tại sân nhà ông Trần Văn Chính thuộc khu Yên Lập Tây, phường MT, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, khi anh Trần Minh T2 đang ngồi chơi ở sân trước cửa nhà ông Chính cùng với bà Nguyễn Thị Q2 (mẹ của Nguyễn Minh T), anh Trần Thế B, chị Nguyễn Thị N(em gái của Nguyễn Minh T) và anh Nguyễn Công T2 (em trai của Nguyễn Minh T) cùng trú tại khu Yên Lập Tây, phường MT, thị xã Q, thì Nguyễn Minh T tay tráibế một cháu bé khoảng 02 tuổi là con của T, trên vai phải của T cóđeo 01 viên đáđi bộ đến. T hỏi mượn xe máy của anh Trần Minh T2 nhưng anh T2 bảo chìa khoá xe máy bà Q2 (mẹ của T) cầm. Sau đó, cóđiện thoại gọi đến, anh T2đang cầmchiếcđiện thoại Iphone 5 màu xám bạc ở trên tay đang sử dụngthì T đến gần, dùng tay phảigiật chiếc điện thoại của anh T2 vàbế con đi ra chỗ anh T2 dựng xe máy ngồi. Anh T2đi theo xin lại chiếc điện thoại, T liền dùng tay phảiđang cầmđiện thoại của anh T2đấm mạnh một phát vào ngực của anh T2 và nói *"điện thoại của tao"*.Bị đấm đau ngực và thấy T có biểu hiện *"ảo giác"* của người đã sử dụng ma túy nên anh T2 hoảng sợ, không dám phản ứng lại. Sau đó, T yêu cầu anh T2 đưa chìa khóa xe máy của anh T2 để cho T mượn nhưng anh T2 không cho mượn, T bực T2cdùng chân đá vào mặt anh T2. Khi anh T2 định đi vào trong nhà ông Chính thì T dùng 01 viên đá màu đen, đường kính 0,16 mét, buộc dây dài 42 cm đeo sẵn ở tay, văng quật vào chân của

anh T2 thì mọi người căn ngăn. Sau đó, T cầm điện thoại cướp được của anh T2, mang theo viên đá vàbế con đi ra ngoài đường thì gặp anh Trịnh Mạnh T3 đi xe máy chở chị Lê Thị Khánh H là vợ của anh T2. T nói với anh T3 *"Mày giết chết thằng em tao"*, lúc này tay T vẫn cầm chiếc điện thoại của anh T2 dơ tay lên đe dọa và định đánh anh T3 thì anh T3 hoảng sợ bỏ xe máy lại rồi bỏ chạy, mọi người căn ngăn T. Sau đó chị H cùng anh T3 đi tìm anh T2, trình báo cơ quan Công an.

Đến khoảng 22 giờ 55 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Q truy tìm chiếc điện thoại của anh T2 thì phát hiện chiếc điện thoại trên đỉnh màn của anh Nguyễn Công T2 là em trai của T.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Minh T thừa nhận thời gian, địa điểm xảy ra sự việc, những người làm chứng chứng kiến sự việc xảy ra gồm bà Q2, anh T2, chị N và anh B nhưđã nêu ở trên. Khi đến nhàông Chính, tay trái bị cáo bế con trai, trên vai phải của bị cáo cóđeo 01 viên đá, bị cáođi bộ đến nhàông Chính.T hỏi mượn xe máy của anh Trần Minh T2 nhưng anh T2 bảo chìa khoá xe máy bà Q2 (mẹ của T) cầm. Sau đó anh T2 có điện thoại, bị cáo có hỏi có phải anh Huy gọi không thì anh T2 không trả lời và để điện thoại xuống bàn. Bị cáo nhìn thấy có cuộc gọi của anh Huy nên bị cáo mới cầm điện thoại của anh T2 lên. Mục đích bị cáo cầm điện thoại của anh T2 lên để mượn xem có phải anh Huy là người quen gọi điện đến hay không. Tại thời điểm xảy ra sự việc, bị cáo không được tỉnh táo do buổi sáng bị cáo có uống rượu và tối ngày 17/7/2018 bị cáo có sử dụng ma tuý dạng cỏ. Khi anh T2 nói xin lại điện thoại, bị cáo có dùng tay phải đang cầmđiện thoại đẩy anh T2 ra.Việc bị cáo dùng viên đá mang sẵn trên vai văng vào chân anh T2 là do bị cáo bực tức vì anh T2 không cho bị cáo mượn xe máy. Sau khi mang điện thoại của anh T2 đi ra ngoài nhà ông Chính bị cáo mới nhận ra không phảiđiện thoại của mình nên khi gặp chị H là vợ của anh T2, Tđã trả lại chiếc điện thoại trên cho chị H. Bị cáo không có ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh T2. Giữa bị cáo, anh T2, bà Q2, chị N, anh T2 và anh B không có mâu thuẫn gì.

Người bị hại là anh Trần Minh T2 khai thừa nhận thời gian, địa điểm xảy ra sự việc, những người làm chứng chứng kiến sự việc xảy ra gồm bà Q2, anh T2, chị N và anh B như đã nêu ở trên. Khi đến nhà ông Chính, tay trái bị cáo bế con trai, trên vai phải của bị cáo có đeo 01 viên đá, bị cáo đi bộ đến nhà ông Chính. Khi đến, T hỏi mượn xe máy của anh nhưng anh bảo chìa khoá xe máy bà Q2 (mẹ của T cầm). Sau đó, anh có điện thoại, khi anh đang cầm chiếc điện thoại Iphone 5 màu xám bạc ở trên tay thì T đến gần, dùng tay phải giật chiếc điện thoại của anh T2, tay trái vẫn bế con sau đó T đi ra chỗ anh T2 dựng xe máy ngồi. Anh T2 đòi lại điện thoại nhưng T không trả mà dùng tay phải đang cầmđiện thoại của anh đấm mạnh một phát vào ngực của anh làm anh đau và nói *"Điện thoại của tao"*. Thấy T có biểu hiện *"ảo giác"* của người đã sử dụng ma túy nên anh T2 hoảng sợ, không dám phản ứng lại và đi ra chỗ khác ngồi. Lúc sau T bế con ra xe mô tô của anh dựng tại sân cạnh chỗ anh ngồi khoảng 1,5m ngồi và yêu cầu anh đưa chìa khoá xe

cho T nhưng anh không đưa và bảo chìa khoá bà Q2 đang cầm. Khi anh đang cúi người xuống thì T dùng chân phải đá thẳng vào miệng anh khiến anh bị dập môi dưới và chảy máu. Lúc này anh T2, chị N và mẹ T là bà Q2 vào can ngăn. Khi anh vừa đứng dậy địnhđi vào trong nhà ông Chính thì T dùng viên đá màu đen mang theo được gắn dây đeo trên vai lấy ra văng từ dưới lên trên đánh vào mặt trong bắp cẳng chân và ống đồng chân trái của anh thì được mọi người can ra. Sau đó anh đi vào trong nhà ông Chính, còn T ngồi lại một lúc rồi cầm theo điện thoại của anh và bế con đi khỏi nhà ông Chính. Sau đó, anh được chị N đưa đến Công an phường trình báo và đến cơ sở y tế phường MT để khám vết thương. Do thương tích của anh bị nhẹ, đến nay đã khỏi hẳn nên anh đã có đơn xin từ chối khám thương tích và giám định thiệt hại về sức khoẻ. Anh không mâu thuẫn hay nợ tài sản gì của T.

- Những người làm chứng là bà Nguyễn Thị Q2, chị Nguyễn Thị N và anh Trần Thế B và anh Nguyễn Công T2đều có lời khai thống nhất về thời gian, địa điểm xảy ra sự việc, những người làm chứng chứng kiến sự việc xảy ra gồm bà Q2, anh T2, chị N và anh B như đã nêu ở trên. Khi đến nhà ông Chính, bà Q2, chị N và anh B khai tay trái bị cáo bế con trai, trên vai phải của bị cáo có đeo 01 viên đá, bị cáo đi bộ đến nhà ông Chính, còn anh T2 khai T bế con trai nhỏ bằng tay phải, vai trái đeo viên đá màu đen có dây quai đeo. Khi đến, T có biểu hiện không bình thường. T bảo anh T2 đưa chìa khoá xe máy của anh T2 dựng ngoài sân cho T mượn. Nhưng do thấy T có biểu hiện không bình thường, không tính táo nên chị N nói nhỏ với anh T2 đưa chìa khoá cho mẹ chị (bà Q2) cầm, vì vậy anh T2 nói với T là chìa khoá bà Q2 cầm và ngồi xuống ghế cầm điện thoại Iphone 5 màu xám trắng trên tay sử dụng. T đứng trước mặt anh T2 dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại trên tay anh T2. Anh T2 đứng dậy đòi điện thoại thì T không trả mà dùng tay đấm thẳng 01 phát vào ngực anh T2 và nói đó là điện thoại của T. Anh T2 không nói gì và đi ra ghế ngồi. Bà Q2, chị N, anh T2 bảo T trả lại điện cho anh T2 nhưng T không trả và bế con ra xe máy của anh T2 ngồi và tiếp tục yêu cầu anh T2 đưa chìa khoá xe cho T nhưng anh T2 không đưa thì bị T dùng chân đá làm anh T2 bị chảy máu miệng nhưng anh T2 cũng không dám nói gì. Thấy vậy, bà Q2 giằng lấy cháu bé trên tay T và đi ra chỗ khác. Khi anh T2 chuẩn bị đứng dậy thì T dùng 01 viên đá màu đen, kính khoảng 15cm, 1 đầu có dây buộc mà T đeo trên người văng vào phần ống đồng, bắp chân anh T2 gây thương tích. Thấy vậy, mọi người vào can ngăn không cho T đánh anh T2 nữa. Sau đó, anh T2 đi vào trong nhà ông Chính, còn T cầm chiếc điện thoại lấy được của anh T2, bế convà mang theo hòn đá đi ra khỏi nhà ông Chính.Thường ngày, anh T2 vẫn để xe máy ở sân nhà ông Chính. Thỉnh thoảng T và mọi người vẫn mượn xe mô tô của anh T2.

Ngoài ra, anh Nguyễn Công T2 còn khai: Saukhi sự việc xảy ra, anh lên Công an phường MT để trình báo nhưng không được làm việc nên khi về anh đi qua cổng nhà Nguyễn Minh T thì phát hiện thấy chiếc điện thoại của anh T2 mà T đã lấy vứt trên một đống đá cạnh gốc mít gần cổng nhà Nguyễn Minh T, sau đó anh đã nhặt lên và mang về cất trên đỉnh màn giường ngủ của anh mục đích là để

trả cho anh T2. Nhưng do anh đi chơi đến đêm mới về nhưng chưa kịp trả thì Cơ quan điều tra đã thu giữ.

Giữa bà Q2, anh B, chị N và anh T2 với anh Trần Minh T2 vàNguyễn Minh T không có mâu thuẫn gì.

- Người làm chứng là chị Lê Thị Khánh H khai: Chị là vợ của anh Trần Minh T2.Khoảng 14 giờ ngày 18/7/2018, chị có mượn điện thoại của anh T3 gọi vào số 01667.883998 để gọi anh T2 về. Nhưng khi gọi đến, chồng chị không trả lời mà người ở đầu điện thoại bên kia nói : *"078 giết chết thằng Thìn"* (Thìn là tên thường gọi của chồng chị). Chị có hỏi ai cầm máy của chồng chị thì người đó không trả lời mà cứ lặp đi lặp lại câu nói : *"078 giết chết thằng Thìn".* Thấy vậy, chị có gọi điện thoại vào số của anh T2 06 lần, có 01 lần gọi nhỡ và nhờ anh T3 chở xe máy xuống khu Yên Lập Tây, phường MT, thị xã Q xem sự việc ra sao. Khi đến nơi thì thấy Nguyễn Minh T đang bế con trai ngồi ở đống gỗ, đối diện nhà T, cách gia đình chị khoảng 150m, trên tay cầm chiếc điện thoại di động màu xám bạc. T nói với anh T3 *"Mày giết chết thằng Thìn em tao*" và giơ tay cầm điện thoại lên định đánh anh T3 và chị thì chị đi giật lùi lại, còn anh T3 cầm chiếc kính màu đen trên tay thì T bảo T3 đưa kính cho T, T3 sợ đưa kính cho cho T, T tiếp tục bảo anh T3 quỳ xuống thì anh T3 sợ để xe lại và bỏ chạy. Lúc này có người ra can ngăn, chị lấy xe và cùng anh T3 bỏ đi. Sau đó, chị và anh T3 đi tìm anh T2 và được anh T2 nói lại là T giật điện thoại của anh T2 và đến Công an phường MT trình báo sự việc. Chị và T có quan hệ là hàng xóm. Giữa chị và T không có mâu thuẫn gì.

- Người làm chứng là anh Trịnh Mạnh T3 khai: Khoảng 13 giờ ngày 18/7/2018, anh đi xe máy đến nhà anh T2 ở phường MT, thị xã Q. Đến nơi anh T2 không có nhà mà có chị H (vợ anh T2) ở nhà. Anh lấy điện thoại mang số 0868970078 gọi đến số máy của anh T2 thì có Tiếng người nam giới lạ nghe máy và bảo *"Thằng T2 chết rồi, tao vừa đâm chết nó".* Nghe vậy, anh đưa cho chị H nghe. Sau khi chị H điện lại cũng nghe được câu trả lời như anh đã nghe và nói đang cầm điện thoại của anh T2 ở khu Yên Lập Tây, phường MT, thị xã Q. Chị H có điện thoại nhiều lần và bảo anh chở chị H xuống vị trí trên xem thực hư ra sao. Đến nơi, anh gặp một người đàn ông đang bế con trai nhỏ, tay cầm chiếc điện thoại Iphone màu trắng, hỏi anh *"Có phải mày giết thằng T2 rồi đổ tội cho tao không... Có phải mày là T ở Cao Xanh không?"*. Anh không hiểu gì cả. Chị H đứng ra giải thích thì T đứng ra giật chiếc kính anh đang đeo ở mắt và đập xuống đường làm vỡ kính. Thời điểm này T không đưa điện thoại cho chị H. Lúc này anh nghĩ T không tỉnh táo nên đã để lại xe máy và bỏ chạy. Anh không bị đánh hay bị mất tài sản gì. Chiếc kính bị T đập vỡ anh mua từ năm 2016 với giá 80.000 đồng, nhãn hiệu Gucci, màu đen, đã hết thời gian sử dụng, đã cũ nên anh không yêu cầu T phải bồi thường.

- Người làm chứng là ông Trần Đức T3 khai: Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 18/7/2018, khi ông đang ở nhà thì Nguyễn Minh T bế con nhỏ sang nhà ông, trên tay cầm theo 01 viên đá màu đen có dây buộc làm quai để sách đeo. T nhờ ông đưa

đi mua sữa cho con T, nhưng ông không đồng ý đưa T đi. Đúng lúc này thì thấy Cơ quan điều tra Công an thị xã Q đến nhà ông và chuyển giấy triệu tập T đến cơ quan Công an làm việc. Nhưng T không nhận và ký giấy triệu tập và có hành vi chống đối, không chấp hành yêu cầu của cơ quan điều tra. T bỏ đi và vùng vằng dùng viên đá trên tay để chống trả lại lực lượng công an. Do đó, lực lượng Công an buộc phải khống chế và đưa T về trụ sở Công an phường MT làm việc. Giữa ông và T không có mâu thuẫn gì.

Tại bảnKết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 76 ngày 25/7/2018, Hội đồngđịnh giá tài sản thị xã Q đãkết luận: Chiếc điện thoại Iphone 5, màu xám bạc, đã qua sử dụng, trị giá 1.040.000 đồng.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sátđiều tra Công an thị xã Q đãthu giữ 01 viên đá hình tròn, dẹt, màuđen và 01 chiếcđiện thoạidi động Iphone 5, màu xám bạc, sim số 01667883998.Tại Quyếtđịnh xử lý vật chứng số 41 ngày 02/8/2018, Cơ quan cảnh sátđiều tra Công an thị xã Q đã quyết định trả lại chiếcđiện thoạidi động Iphone 5, màu xám bạc,đã qua sử dụng trên cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Minh T2. Anh T2đã nhận lại tài sản theo biên bản ngày 14/8/2018 vàkhông có yêu cầu, đề nghị gì.

Tại Bản cáo trạng số69/CT-VKSQY ngày29/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninhđã truy tốNguyễn Minh T về tội*"Cướp tài sản"* theo quy định tạikhoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sátnhân dân thị xã Q giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáoNguyễn Minh Tvề tội*"Cướp tài sản"*;Đề nghị Hội đồng xét xửáp dụng khoản 1 Điều 168; khoản 2 Điều 51của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáoNguyễn Minh Ttừ 42 tháng tùđến 45 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt18/7/2018;

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T là lao động tự do, không có thu nhậpổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng:Đề nghị Hội đồng xét xửáp dụngđiểmc khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sựtịch thu cho tiêu huỷ01 viên đá hình tròn, dẹt, màuđen, đường kính 0,16m, độ dày là 5x2 cm.

- Bị cáoNguyễn Minh Tkhai bị cáo không giậtđiện thoại của anh T2, bị cáo không đấm vào ngực anh T2, không đá vào mặt anh T2 và không dùng viên đá ném vào chân anh T2. Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội*"Cướp tài sản"* là không đúng.

Người làm chứng là bà Nguyễn Thị Q2giữ nguyên T3 bộ lời khai đã khai tại cơ quan điều tra.

Bị cáotranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và nói lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp các hành vi, quyết định tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T2 hành tố tụng, người T2 hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T2 hành tố tụng, người T2 hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, điều luật áp dụng:

- Về thời gian, địa điểm xảy ra sự việcvà những người có mặt chứng kiến sự việc xảy ra: Bị cáo Nguyễn Minh T, bị hại Trần Minh T2 và những người làm chứng là bà Nguyễn Thị Q2, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Công T2 và anh Trần Thế B có lời khai thống nhất như sau: Khoảng 13 giờ ngày 18/7/2018, tại sân nhà ông Trần Văn Chính thuộc khu Yên Lập Tây, phường MT, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, khi anh Trần Minh T2 cùng với bà Nguyễn Thị Q2 (mẹ của Nguyễn Minh T), anh Trần Thế B, chị Nguyễn Thị N (em gái của Nguyễn Minh T) và anh Nguyễn Công T2 (em trai của Nguyễn Minh T) đang ngồi chơi ở sân trước cửa nhà ông Chính thì Nguyễn Minh T tay trái bế một cháu bé khoảng 02 tuổi là con của T, trên vai phải của T có đeo 01 viên đá đi bộ đến nhàông Chính.

- Về diễn biến xảy ra sự việc: Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo T có lời khai mâu thuẫn không thống nhất thể hiện:

Tại cơ quan điều tra, bị cáo khai: Khi đến nơi, bị cáo hỏi mượn chìa khoá xe máy của anh T2 đểđi mua sữa cho con nhưng anh T2 bảo chìa khoáđãđưa cho mẹ bị cáo cầm nên bị cáo không hỏi nữa. Lúc sau, anh T2 cóđiện thoại gọi đến, bị cáo hỏi anh T2 có phải anh Huy gọi đến không nhưng anh T2 không nói gì. Khi anh T2 vừa đặt điện thoại xuống bàn thì bị cáo cầm điện thoại của anh T2 lên mục đích mượn để xem có phải anh Huy là người quen gọi điện đến hay không. Tại thờiđiểm xảy ra sự việc, bị cáo không được tỉnh táo do buổi sáng bị cáo có uống rượu và tối ngày 17/7/2018 bị cáo có sử dụng ma tuý dạng cỏ. Khi anh T2 nói xin lạiđiện thoại, bị cáo có dùng tay phảiđang cầmđiện thoại đẩy anh T2 ra, tay trái bị cáođang vế con nhỏ, trên vai phải bị cáo vẫn đang đeo hòn đá. Việc bị cáo dùng viên đá mang sẵn trên vai văng vào chân anh T2 là do bị cáo bực T2c vì anh T2 không cho bị cáo

mượn xe máy. Sau khi mang điện thoại của anh T2đi ra ngoài nhàông Chính bị cáo mới nhận ra không phảiđiện thoại của mình nên khi gặp chị H là vợ của anh T2, Tđã trả lại chiếcđiện thoại trên cho chị H. Bị cáo không cóýđịnh chiếmđoạt chiếcđiện thoại của anh T2. Giữa bị cáo và anh T2, bà Q2, chị N, anh T2 và anh B không có mâu thuẫn gì.

Tại phiên toà sơ thẩm, bị cáo khai không thống nhất. Ban đầu, bị cáo khai, khi anh T2 cóđiện thoại gọi đến, bị cáo tưởng là anh Huy gọi đến nên bị cáo hỏi anh T2: *"Huy gọi à?"*, nhưng anh T2 không nói gì. Sau đó anh T2 đểđiện thoại xuống bàn uống nước trước cửa nhà ông Chính. Bị cáo mượn điện thoại của anh T2 lên sử dụng nhưng không bấm được. Lúc cầmđiện thoại, bị cáo có dùng tay phải hích đẩy anh T2 đứng lui ra xa đểbị cáodễ xem điện thoại. Ngay lúcđó, chị Lê Thị Khánh H (vợ anh Trần Minh T2) đi đến chỗ bị cáo, bị cáođã trả lại ngay chiếcđiện thoại của anh T2 cho chị H. Nhưng sau đó bị cáo lại khai, khi bị cáo đến nhàông Chính, thấy chiếcđiện thoại anh T2 để trên bàn giống chiếcđiện thoại smart phone mà bạn bị cáo mới cho bị cáo nên bị cáo tưởng là chiếcđiện thoại của bị cáo và cầm lên, anh T2 cóđòi điện thoại nhưng bị cáo không trả mà mang ra khỏi cổng nhàông Chính. Nhưng khi ra khỏi cổng nhàông Chính bị cáo mới thấy sốđiện thoại lạ có sốđuôi là "078" gọi đến, bị cáo mới biết là không phải là sốđiện thoại của bị cáo, khi đến đống gỗ nhà anh Thìn "ma" gặp chị Lê Thị Khánh H (vợ anh Trần Minh T2) nên bị cáođã trả lại ngay chiếcđiện thoại trên cho chị H. Bị cáo không giậtđiện thoại của anh T2, bị cáo không đấm vào ngực anh T2, không đá vào mặt anh T2 và không dùng viên đá ném vào chân anh T2. Bị cáo không có ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh T2 nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội*"Cướp tài sản"* là không đúng. Bị cáo thừa nhận ngày 17/7/2018 bị cáo có sử dụng ma tuý dạng cỏ và sáng ngày 18/7/2018 bị cáo có uống rượu.Giữa bị cáo và anh T2, bà Q2, chị N, anh T2 và anh B không có mâu thuẫn gì.

Nhưng bị cáo không chứng minh được việc khi bị cáo lấy chiếc điện thoại di động Iphone 5 màu xám bạc của anh T2 được sự đồng ý của anh T2. Trong khi đó, bị hại là anh Trần Minh T2 khai anh chưa bao giờ cho T mượn điện thoại. Việc bị cáo giật chiếcđiện thoại di động anh đang sử dụng trên tay làhoàn T3tráivớiý muốn của anh. Khi anh xin lại chiếcđiện thoạitrên thì bị cáo liền dùng tay phải đấm mạnh một phát vào ngực anh khiến anh bịđau. Thấy T có biểu hiện *'ảo giác"* của người đã sử dụng ma túy nên anh T2 hoảng sợ, không dám phản ứng lại. Sau khi cướp được chiếcđiện thoại di động của anh T2, T tiếp tục yêu cầu anh T2 đưa chìa khóa xe máy của anh T2 để cho T mượn nhưng anh T2 không cho mượn nên T bực T2cđãdùng chân đá vào mặt khiến anh T2 bị chảy máu miệng vàdùng 01 viên đá màu đen, đường kính 0,16 mét, buộc dây dài 42 cm đeo sẵn ở tay, văng quật vào chân của anh T2 khiến anh bị sưng nề ống đồng chân trái. Sau đó, T cầm điện thoại cướp được, bế con đi ra khỏi nhà ông Chính.Lời khai của anh Trần Minh T2 phù hợp với lời khai của những người làm chứng có mặt tại thời điểm xảy ra sự việc là bà Nguyễn Thị Q2, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Công T2 và anh Trần Thế B;

phù hợp với Biên bản xác định hiện trường; Bản ảnh xác định hiện trường; Bản ảnh xácđịnh các cuộc gọi từ số máy 0868970078 đến số máy 01667883998; phù hợp với vật chứng đã thu giữ và phù hợp với kết luận định giá tài sản số 76 ngày 25/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Q.

Nếu bị cáo mượn chiếc điện thoại trên của anh T2 thì tại sao sau khi anh T2 yêu cầu bị cáo trả lại điện thoại, bị cáo không những không trả mà còn có hành vi dùng tay phải đấm vào ngực anh T2 khiến anh T2 sợ hãi không dám đòi lại điện thoại nữa?Tại phiên toà, bị cáo khẳng định khi bị cáolấy chiếc điện thoại của anh T2, bị cáo hoàn T3 minh mẫn; khẳng định tại thời điểm xảy ra sự việc có bà Q2, chị N, anh T2 và anh B ở đó làm chứng và khẳng định giữa bị cáo với bị hại và những người làm chứng không có mâu thuẫn thù hằn gì.Những người làm chứng chứng kiến T3 bộ sự việc xảy ra đều là người thân của bị cáo, trong đó có bà Nguyễn Thị Q2 là mẹ đẻ của bị cáo, chị Nguyễn Thị N (em gái của bị cáo) và anh Nguyễn Công T2 (em trai của bị cáo). Họ đều không có mâu thuẫn thù hằn gì với bị cáo. Vì vậy, không có lý do gì họ khai báo gian dối, không trung thực cho bị cáo.Do đó, lời khai của bị cáo Nguyễn Minh T là không có căn cứ.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 13 giờ ngày 18/7/2018, tại sân nhà ông Trần Văn Chính thuộc khu Yên Lập Tây, phường MT, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Minh T đã có hành vi dùng tay phải giật chiếcđiện thoại Iphone 5 màu xám bạc, có trị giá 1.040.000 đồng*(Một triệu không trăm B mươi nghìn đồng)* của anh Trần Minh T2. Khi anh T2 xin lại chiếc điện thoại thìT đã dùng vũ lực (dùng tay phảiđấm mạnh một phát vào ngực của anh T2)khiến anh T2 hoảng sợ, không dám phản ứng lạinhằm mục đích chiếm đoạt chiếc điện thoại trên của anh T2. Sau đó, T tiếp tục yêu cầu anh T2 đưa chìa khóa xe máy của anh T2 để cho T mượn nhưng anh T2 không cho mượn, T đã dùng chân đá vào mặt khiến anh T2 bị chảy máu miệng. Khi anh T2 định đi vào trong nhà ông Chính thì T dùng 01 viên đá màu đen, đường kính 0,16 mét, buộc dây dài 42 cm đeo sẵn ở tay, văng vào chân của anh T2 khiến anh bị sưng nề ống đồng chân trái. Sau đó, T cầm điện thoại cướp được, bế con và mang theo viên đáđi ra khỏi nhà ông Chính.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Minh T là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, mà còn đe doạ đến tính mạng, sức khoẻ của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự xã hội tại địa phương.

Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi cướp tài sản của anh T2 là vi phạm pháp luật, nhưng do động cơ tư lợi nên bị cáo vẫn bất chất pháp luật để phạm tội.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh T ra trước Toà án để xét xử về tội *"Cướp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo T khai, sau khi mang điện thoại của anh T2 đi ra ngoài nhà ông Chính bị cáo mới nhận ra không phải điện thoại của mình nên khi gặp chị H là vợ của anh T2, T đã trả lại chiếc điện thoại trên cho chị H tại đống gỗ nhà gia đình anh Thìở khu Yên Lập Tây, phường MT. Nhưng tại Biên bản đối chất ngày 18/11/2018,chị H không thừa nhận có việc T trả lạiđiện thoại như bị cáođã khai. Còn theo lời khai của anh Nguyễn Công T2 (em trai của bị cáo T) thì ngày 18/7/2018, anh T2nhặt được chiếc điện thoại của anh T2 mà T vừa giật được vứt trên một đống đá cạnh gốc mít gần cổng nhà T nên anh đã đem vào nhà mẹ đẻ (bà Q2) vứt lên trên đỉnh màn giường ngủ của anh mục đích để trả lại cho anh T2. Nhưng sau đó anh đi chơi và hôm sau anh đi làm ăn tại Cẩm Phả luôn nên anh quên không thông báo cho anh T2 và gia đình biết lấy điện thoại trả lại cho anh T2. Lời khai của anh T2 phù hợp vớiBiên bản truy tìm vật chứng ngày 18/7/2018 của cơ quan cảnh sátđiều tra Công an thị xã Q thể hiện: Chiếcđiện thoại trên được phát hiện và thu giữ tại vị trí trên đỉnh màn tại phòng ngủ của anh Nguyễn Công T2 tại tầng 1 nhàở của gia đình bà Nguyễn Thị Q2 tại khu Yên Lập Tây, phường MT, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, do bà Q2 phát hiện ra. Do đó, không có căn cứ xácđịnh bị cáođã trả lại chiếcđiện thoại di động nêu trên cho anh T2như lời khai của bị cáo. Hơn nữa, đối với tội Cướp tài sản là tội phạm có cấu thành hình thức, tội phạm được hoàn thành kể từ thờiđiểm bị cáoTcó hành vi dùng vũ lực làm cho anh Trần Minh T2 lâm vào tình trạng không thể chống cự lại được nhằm chiếmđoạt tài sản. Nên việc bị cáo có chiếmđoạt được tài sản của người bị hại hay không nằm ngoàiý thức chủ quan của bị cáo, không cóý nghĩađịnh tội đối với bị cáo.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm , bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị hại là anh Trần Minh T2 cóđơn đề nghị Toà án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hơn nữa trong thời gian đi bộ đội bị cáo được tặng thưởng giấy khen được ghi nhận trong bảnán hình sự sơ thẩm số 05/2010/HSST ngày 13/01/2010 của Toàán nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q đề nghị cho bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáoTcó 01 tiền sự.Ngày 19/6/2018 bị Công an thị xã Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *"Cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác"* với hình thức phạt tiền là 3.500.000 đồng. Bị cáo chưa nộp tiền phạt.

Bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 13/01/2010, bị Toàán nhân dân thành phố Hạ

Long xử phạt 07 năm tù về tội*"Cố ý gây thương tích"* theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/6/2009, đến ngày 30/8/2013 chấp hành xong hình phạt tù (đặc xá tha tù trước thời hạn).

Nhưng bị cáo không lấyđó làm bài học để tự cải tạo, giáo dục bản thân trở thành người cóích cho xã hội mà còn tiếp tục phạm tội.

Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹtrách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cầnphải cách ly bị cáoNguyễn Minh T ra khỏi xã hội một thời gian nhấtđịnh để cải tạo, giáo dục, cũng như phòng ngừa tội phạmtrong giai đoạn hiện nay.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 6 Điều 168 Bộ luật hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng,..."*. Do đó, bị cáoNguyễn Minh Tcó thể bịáp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, hiện nay bị cáoT là người lao động tự do, không có thu nhậpổnđịnh. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận đề nghị củađại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáoT.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra và tại phiên toà sơ thẩm, anh Trần Minh T2 khai: Sau khi bị T đấm vào ngực, đá chân vào miệng và dùng 01 viên đá màu đen đeo sẵn ở tay văng quật vào chân, anh T2 bị đau ngực, bị bầm tím, rách môi dưới phía trong và sưng nề ống đồng chân trái. Anh đã được chị Nguyễn Thị N (em gái của T) đưa đến cơ sở y tế phường MT khám, rửa vết thương sau đó về nhà. Nhưng do thương tích của anh nhẹ, đến nay đã khỏi, không ảnh hưởng đến sức khoẻ nên anh đã có đơn từ chối khám thương tích và giám định thiệt hại về sức khoẻ,không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thương tích cho anh. Xét thấy, việc anh T2 không yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại về sức khoẻ là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, không giải quyết về phần trách nhiệm dân sự.

[6] Vềxử lývật chứng của vụ án:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Q đã thu giữ 01 viên đá hình tròn, dẹt, màu đen, đường kính 0,16m, độ dày là 5x2 cm, trên thân viên đá có 01 lỗ tròn buộc 02 sợi dây vào viên đá gồm 01 dây dạng dây da màu nâu đen, dài 30x2cm, 01 sợi dây điện nối dây vải màu trắng đen có tổng chiều dài 42cm và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5, màu xám bạc, sim số 01667883998.

Tại Quyết định xử lý vật chứng số 41 ngày 02/8/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Q đã quyết định trả lại chiếc điện thoại di động Iphone 5,

màu xám bạc, đã qua sử dụng trên cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Minh T2, phù hợp với quy định tạiđiểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Ngày 14/8/2018, anh T2đã nhận lại chiếcđiện thoại di động nêu trên vàkhông có yêu cầu, đề nghị gì. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với 01 viên đá hình tròn, dẹt, màu đen: Xét thấy không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xửcăn cứ vàođiểmc khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sựtịch thu vàtiêu huỷ.

[7] Về nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm:Bị cáoNguyễn Minh T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáoNguyễn Minh Tvà bị hại Trần Minh T2có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy địnhtạikhoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội *"Cướp tài sản"*.

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 168;khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh T 42*(Bốn mươi hai)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18 tháng 7 năm 2018.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu huỷ01 viên đá hình tròn, dẹt, màu đen, đường kính 0,16m, độ dày là 5x2 cm, trên thân viên đá có 01 lỗ tròn buộc 02 sợi dây vào viên đá gồm 01 dây dạng dây da màu nâu đen, dài 30x2cm, 01 sợi dây điện nối dây vải màu trắng đen có tổng chiều dài 42cm (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/12/2018 giữa Công an thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh).

Về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm:Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6 vàđiểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáoNguyễn Minh Tphải nộp số tiền200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Nguyễn Minh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm

trong thời hạn 15 (*mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại làanh Trần Minh T2 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án , hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Bị cáo;*
- *Bị hại;*
- *VKSND thị xã Q;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Cơ quan CSĐTCATX Q;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Chi cục THADS TX Q;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Tố Nga